

Số: /2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024; Luật Đo đạc và Bản đồ năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 197/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc đề nghị ban hành Quyết định Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 07 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&XLVPHC - Bộ Tư pháp,
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, KTĐT, CNXD;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (TLC-05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

QUY ĐỊNH

Về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công đối với hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công thuộc các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, nhiệm vụ quản lý đất đai hoặc nhiệm vụ có hạng mục quản lý đất đai bao gồm:

1. Đo đạc lập bản đồ địa chính.
2. Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính.
3. Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
4. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.
5. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
6. Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất.
7. Điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai.
8. Điều tra, đánh giá thoái hóa đất.
9. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.
10. Các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, nhiệm vụ chuyên môn khác về quản lý và sử dụng đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương, các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giám sát công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai là hoạt động theo dõi về tiến độ thực hiện công trình, sản phẩm, dịch vụ công và việc tuân thủ các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các quy định trong các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai là việc thực hiện các phương pháp kỹ thuật để đánh giá chất lượng, xác định khối lượng các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các quy định trong các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
3. Nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai là việc chủ đầu tư xác nhận chất lượng, khối lượng các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai.
4. Cơ quan quyết định đầu tư công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai là cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn đầu tư cho công trình, sản phẩm, dịch vụ công về lĩnh vực quản lý đất đai.
5. Chủ đầu tư công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai là cơ quan sở hữu vốn hoặc được cơ quan quyết định đầu tư giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư công trình, sản phẩm, dịch vụ công về lĩnh vực quản lý đất đai.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công phải tiến hành định kỳ và có hệ thống trong quá trình thực hiện trên cơ sở kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu được lập theo tiến độ thi công từng hạng mục hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm.
2. Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê đơn vị giám sát, kiểm tra có chức năng phù hợp (sau đây gọi chung là đơn vị giám sát, kiểm tra) thực hiện giám sát, kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư.
3. Các tổ chức, cá nhân thi công (sau đây gọi chung là đơn vị thi công) công trình, sản phẩm, dịch vụ công phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công trước khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu.

4. Trong thời gian thi công, trường hợp có sự thay đổi về chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thì quá trình giám sát, kiểm tra phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thay đổi.

Điều 5. Mục đích giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Bảo đảm cho công trình, sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thi công, giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công.

2. Phát hiện những sai sót trong quá trình thi công để kịp thời khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công nhằm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công.

3. Đánh giá, xác nhận đúng chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành.

Điều 6. Cơ sở pháp lý để giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền trong quá trình thi công.

2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Trách nhiệm của cơ quan quyết định đầu tư

Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc đối với công nghệ chưa có quy định kỹ thuật; phát sinh do thay đổi chính sách; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật, giải quyết những phát sinh về khối lượng, hạng mục công việc, mức khó khăn (nếu có) dẫn đến tổng giá trị vượt quá 05 phần trăm so với tổng giá trị dự toán của cả công trình đã được phê duyệt; giải quyết việc kéo dài thời gian thi công công trình so với thời gian thi công đã được phê duyệt.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đảm bảo chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với các công trình, sản phẩm, dịch vụ công được giao;

b) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công; lập hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ

quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công đối với các công trình, sản phẩm, dịch vụ công được giao làm chủ đầu tư;

c) Giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ trong quá trình thi công; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật, phát sinh về khối lượng, hạng mục công việc, mức khó khăn (nếu có) nhưng không làm giá trị vượt quá 05 phần trăm so với tổng giá trị dự toán của cả công trình đã được phê duyệt;

d) Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

đ) Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công đang thi công không đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc vi phạm các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quyết định đầu tư;

e) Lập báo cáo gửi cơ quan quyết định đầu tư về chất lượng, khối lượng, tiến độ các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành khi kết thúc công trình.

3. Trách nhiệm của đơn vị thi công

a) Thực hiện thi công theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có);

b) Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công và chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ thi công, chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công do đơn vị mình thi công; trường hợp công trình, sản phẩm, dịch vụ công chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện và tự chịu trách nhiệm về kinh phí; phối hợp với chủ đầu tư lập hồ sơ nghiệm thu cấp chủ đầu tư theo quy định;

c) Chịu sự giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu của chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) đối với chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được giao thực hiện;

d) Hàng tháng lập báo cáo về khối lượng, tiến độ đã thực hiện gửi chủ đầu tư trước ngày 25;

đ) Khi có sự thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản

chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư.

Điều 8. Lập kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng kinh tế, đơn vị thi công phải lập kế hoạch thi công chi tiết trong đó nêu rõ tiến độ thi công, tiến độ kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công gửi chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) để có kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu.

2. Trên cơ sở kế hoạch thi công của đơn vị thi công, chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) tổ chức lập kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với tiến độ của chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc hợp đồng đã ký kết, gửi đơn vị thi công và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 9. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công do chủ đầu tư thực hiện được xác định trong tổng dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công do đơn vị thi công thực hiện được tính trong đơn giá, dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

Chương II

GIÁM SÁT, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 10. Giám sát công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Nội dung giám sát công trình, sản phẩm, dịch vụ công bao gồm:

a) Giám sát nhân lực, máy móc, thiết bị sử dụng để thi công công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

b) Giám sát sự phù hợp của quy trình công nghệ đơn vị thi công áp dụng so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được chủ đầu tư cho phép;

c) Giám sát tiến độ thi công công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

d) Giám sát về khối lượng phát sinh trong quá trình thi công công trình, sản phẩm, dịch vụ công (nếu có);

đ) Giám sát quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công.

2. Trong quá trình giám sát công trình, sản phẩm, dịch vụ công, người trực tiếp giám sát phải tiến hành ghi Nhật ký giám sát theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trong thời gian thi công, trường hợp có sự thay đổi về chế độ chính sách như: Tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, đơn vị giám sát phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách đó có hiệu lực.

Điều 11. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Nội dung, mức kiểm tra của đơn vị thi công, chủ đầu tư phục vụ đánh giá, kiểm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Đối với các nội dung, hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai không được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này thì nội dung kiểm tra được thực hiện theo chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Mức kiểm tra tối thiểu cấp đơn vị thi công đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 20 phần trăm (20%) và nội nghiệp là 60 phần trăm (60%); mức kiểm tra tối thiểu cấp chủ đầu tư đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 05 phần trăm (5%) và nội nghiệp là 15 phần trăm (15%).

2. Phương pháp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

a) Công tác kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công phải được thực hiện từ tổng thể đến chi tiết và được thực hiện ở cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư;

b) Công tác kiểm tra được thực hiện ở nội nghiệp hay ngoại nghiệp hoặc cả hai tùy thuộc vào từng hạng mục sản phẩm, dịch vụ công cụ thể. Thực hiện việc đối soát thông tin trong từng sản phẩm, dịch vụ công và giữa các sản phẩm, dịch vụ công để kiểm tra sự đầy đủ, thống nhất thông tin của sản phẩm, dịch vụ công. Trong một số trường hợp phải thực hiện lại một số nội dung công việc của quá trình thi công để so sánh, đối chiếu, đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ công so với các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, nội dung chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

c) Trong quá trình kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công được phép sử dụng thiết bị, công nghệ và các nguồn tư liệu, dữ liệu khác để thực hiện đánh giá chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

d) Đối với các hạng mục công việc kiểm tra mang tính xác suất, phạm vi lấy mẫu kiểm tra phải được phân bố đều trong toàn bộ phạm vi thi công;

đ) Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm, dịch vụ công giao nộp;

e) Đối với các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ có thể thực hiện kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công cuối cùng bằng phương pháp tổng hợp thì đơn vị giám sát, kiểm tra lập phương án kiểm tra trình chủ đầu tư phê duyệt.

3. Ghi nhận kết quả kiểm tra

a) Kết thúc quá trình kiểm tra phải tiến hành ghi nhận kết quả kiểm tra. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng Phiếu ghi ý kiến kiểm tra các hạng mục được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, tổng hợp đánh giá chất lượng, khối lượng của từng hạng mục và tiến hành lập Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công của từng hạng mục theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 12. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công

1. Đơn vị thi công sử dụng đơn vị trực thuộc, cán bộ chuyên môn kỹ thuật của mình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng của tất cả hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công do đơn vị mình thực hiện và lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trước khi tiến hành kiểm tra chất lượng, khối lượng, đơn vị thi công phải thông báo về kế hoạch kiểm tra tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có).

3. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đối với từng hạng mục công việc, đơn vị thi công giao nộp sản phẩm, dịch vụ công đã được kiểm tra đạt chất lượng theo quy định, Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, Biên bản kiểm tra chất lượng và văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có).

4. Kết thúc hạng mục công trình hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, đơn vị thi công lập 03 bộ hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công (01 bộ gửi chủ đầu tư, 01 bộ gửi đơn vị giám

sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư và 01 bộ lưu tại đơn vị thi công) đồng thời giao nộp sản phẩm, dịch vụ công đã được kiểm tra đạt chất lượng theo quy định, văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có). Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công gồm:

a) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị thi công theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Báo cáo đối với những vấn đề phát sinh, vướng mắc về công nghệ, về định mức kinh tế - kỹ thuật, về khối lượng, mức khó khăn và những vấn đề khác so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và văn bản chấp thuận những phát sinh, giải quyết vướng mắc của cấp có thẩm quyền trong thời gian thi công công trình (nếu có);

d) Phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 13. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư

1. Sau khi nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công hợp lệ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Quy định này và sản phẩm kèm theo, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) để thực hiện kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư.

2. Các bước kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý, tính thống nhất, tính hợp lệ của hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công;

b) Phân tích, đánh giá nội dung báo cáo tổng kết kỹ thuật, báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công và các biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, phiếu ghi ý kiến kiểm tra, số liệu, tài liệu kiểm tra cấp đơn vị thi công;

c) Kiểm tra, đánh giá quy cách sản phẩm, dịch vụ công so với các tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và các quy định khác trong đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt;

Trường hợp chất lượng sản phẩm, dịch vụ công chưa đạt yêu cầu, đơn vị thi công có trách nhiệm sửa chữa theo các ý kiến kiểm tra và gửi báo cáo sửa chữa sản phẩm theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này kèm theo sản phẩm đã được sửa chữa đến chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

d) Kiểm tra lại các sản phẩm, dịch vụ công đã được đơn vị thi công sửa chữa và lập Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm, dịch vụ công (nếu có) theo Mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Xác định khối lượng của các hạng mục công trình sản phẩm, dịch vụ công đạt yêu cầu về chất lượng và các hạng mục, sản phẩm, dịch vụ công không đạt yêu cầu về chất lượng (nếu có);

e) Đánh giá, đề xuất xác định lại mức khó khăn các hạng mục công trình đã thi công phù hợp quy định hiện hành và thực tế sản xuất (nếu có);

g) Lập biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

h) Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) lập báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành theo Quyết định này.

3. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đối với từng hạng mục theo kế hoạch nghiệm thu đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) lập biên bản kiểm tra, phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 2, Mẫu số 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này và văn bản kiến nghị (nếu có) gửi chủ đầu tư.

Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) lập 03 hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư (02 bộ lưu giữ tại chủ đầu tư, 01 bộ lưu giữ tại đơn vị giám sát, kiểm tra). Hồ sơ bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ

công của đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

đ) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

e) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm cấp chủ đầu tư (nếu có);

g) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

i) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra cấp chủ đầu tư;

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư

1. Quyền của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Yêu cầu đơn vị thi công thực hiện theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

b) Từ chối kiểm tra trong trường hợp đơn vị thi công chưa giao nộp đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ công, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công hoặc các sản phẩm, dịch vụ công còn tồn tại lỗi mang tính hệ thống;

c) Từ chối xác nhận các sản phẩm, dịch vụ công không đạt chất lượng hoặc các sản phẩm, dịch vụ công đã có ý kiến kiểm tra nhưng không được sửa chữa toàn diện, triệt để theo yêu cầu;

d) Báo cáo chủ đầu tư về các vi phạm và kiến nghị hình thức xử lý trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy định này hoặc vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công;

đ) Đề xuất, kiến nghị chủ đầu tư chấp nhận hoặc thay đổi mức khó khăn so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 11 của Quy định này;

b) Tổng hợp các ý kiến trong quá trình giám sát, kiểm tra và thông báo cho đơn vị thi công;

c) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công. Báo cáo chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc, phát sinh vượt quá thẩm quyền;

d) Báo cáo đầy đủ với chủ đầu tư những vấn đề kỹ thuật phát sinh ngoài chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), khối lượng phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công (nếu có);

đ) Kiến nghị với chủ đầu tư xử lý các vi phạm, chấm dứt hợp đồng với đơn vị thi công trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Quy định này;

e) Kiến nghị với chủ đầu tư hình thức xử lý đối với đơn vị thi công vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công;

g) Lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư; phối hợp với chủ đầu tư lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định;

h) Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công đã giám sát, kiểm tra và bị xử lý theo quy định của pháp luật khi cố ý làm sai lệch kết quả giám sát, kiểm tra.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 15. Đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng, chủ đầu tư ra quyết định thành lập, thành phần Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và một số thành viên thuộc các đơn vị chức năng có liên quan, chuyên gia am hiểu về chuyên môn công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai (nếu cần thiết).

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng

a) Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số. Phiên họp của Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng phải đảm bảo có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng theo quyết định thành lập;

b) Chủ tịch Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng, kiến nghị chủ đầu tư các nội dung có liên quan đến trách nhiệm được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về sự đúng đắn, khách quan đối với kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng.

4. Căn cứ đánh giá, kiểm định chất lượng

a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thi công;

b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

c) Các hạng mục công việc, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

5. Nội dung và thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc đánh giá, kiểm định chất lượng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công. Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày làm việc.

Nội dung đánh giá, kiểm định chất lượng bao gồm:

a) Đánh giá, kiểm định về việc tuân thủ các quy định trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

b) Đánh giá, kiểm định việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

c) Đánh giá, kiểm định việc xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công theo yêu cầu của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

d) Đánh giá, kiểm định việc xác định khối lượng đạt chất lượng, mức khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn dựa trên một số mẫu sản phẩm.

6. Căn cứ kết quả đánh giá, kiểm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ đánh giá, kiểm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định) chỉ đạo các đơn vị liên quan sửa chữa, bổ sung hoàn thiện khi chất lượng, khối lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, mức khó khăn chưa phù hợp, hồ sơ tài liệu chưa hợp lệ.

7. Kết thúc quá trình đánh giá, kiểm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ đánh giá, kiểm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định) phải lập báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 16. Nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá, kiểm định, chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai đã hoàn thành.

2. Căn cứ nghiệm thu

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

c) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

d) Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

đ) Các sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

3. Nội dung và thời gian nghiệm thu

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc nghiệm thu hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công. Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian nghiệm thu có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. Nội dung nghiệm thu bao gồm:

a) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành đạt chất lượng, so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc phát sinh (tăng, giảm) so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Xác nhận mức khó khăn đối với các hạng mục công việc, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành;

d) Kết thúc quá trình nghiệm thu phải lập Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này; lập Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thi công từng năm theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được thi công trong nhiều năm (nếu có) và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định tại Điều 18 Quy định này.

Điều 17. Giao nộp sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi có Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công, đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm, dịch vụ công tại nơi lưu trữ do cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư chỉ định.

2. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công trình đã được nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng và được nêu cụ thể trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công.

Điều 18. Lập hồ sơ nghiệm thu

1. Kết thúc quá trình nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, dịch vụ công, chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ nghiệm thu. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

đ) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư (nếu có);

e) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư (nếu trong Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công không có thành phần đơn vị giám sát, kiểm tra tham gia);

g) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

i) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

k) Biên bản giao nộp sản phẩm đối với sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành theo quy định tại Điều 17 của Quy định này;

l) Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thi công từng năm (nếu có).

2. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 bộ: 01 bộ gửi cơ quan quyết định đầu tư, 02 bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 bộ giao nộp kèm theo sản phẩm, dịch vụ công tại cơ quan lưu trữ, 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

Điều 19. Lập hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi có bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán công trình sản phẩm, dịch vụ công. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Văn bản đề nghị quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công lập theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

c) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

d) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

đ) Bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

e) Biên bản giao nộp sản phẩm, dịch vụ công hoặc phiếu nhập kho đối với sản phẩm, dịch vụ công;

g) Bản tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thi công từng năm theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này đối với các công trình được thi công trong nhiều năm.

2. Hồ sơ quyết toán được lập thành 05 bộ: 03 bộ gửi cho chủ đầu tư, 01 bộ gửi cho cơ quan quyết định đầu tư, 01 bộ gửi cho đơn vị thi công.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện nhưng chưa đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiến hành đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra,

nghiệm thu và lập các hồ sơ theo quy định tại Quyết định này.

2. Trường hợp khác, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo và đề xuất phương án cụ thể, trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để được xem xét, giải quyết theo quy định./.